

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2022/DS-PT
Ngày 10-6-2022
V/v chấm dứt hành vi trái pháp
luật

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tâm

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

Bà Ngô Thị Bích Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc “yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật”.

Do Bản án dân sự số 03/2022/DS-ST ngày 11/01/2022 của Tòa án nhân dân thị xã B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 25/5/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà D: Ông Phạm Ngọc D1, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp B1, xã L, huyện B2, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14/10/2020 và ngày 06/01/2022); có mặt.

- Bị đơn: Bà Tô Yến T1, sinh năm 1958; địa chỉ: Khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà T1: Ông Phạm Đình N, sinh năm 1986; địa chỉ: Số A3/259k, tổ 9, khu phố 3, phường T2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 02/11/2020); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Thị Mỹ H thuộc Văn phòng Võ Tấn Đ chi nhánh thành phố T3, tỉnh Bình Dương thuộc Đoàn L tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cơ quan U thị xã B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trịnh Phục M – Phó trưởng Phòng T4 thị xã B (văn bản ủy quyền ngày 23/5/2022); có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Phước H1, sinh năm 1956 (chồng bà T1); địa chỉ: Khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn Bà Tô Yến T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2020, bổ sung ngày 22/3/2021 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Phần đất của Bà Nguyễn Thị D thuộc thửa 1382, tờ bản đồ số 07, diện tích là 304,2m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS16192, do Sở T5 tỉnh Bình Dương cấp ngày 04/12/2018 cho bà D. Trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện hướng Đông tiếp giáp đường bê tông rộng 5m và mặt tiền tiếp giáp với đường bê tông là 10m.

Trên đất bà D có xây dựng trụ bê tông cao khoảng 02m, khoảng cách 04m một cây nhưng chưa có hàng rào bao quanh, nhưng khi bà D xây hàng rào bao quanh để bảo vệ hoa màu, nhà cửa để tránh bị trộm cắp thì Cơ quan U phường M đình chỉ không cho làm, với lý do là Bà Tô Yến T1 là chủ sử dụng liền kề ngăn cản về lối đi ở mặt tiền tiếp giáp giữa đường bê tông và thửa đất 1382 của bà D, bà T1 tự ý đổ cát, đất, xà bần lên đường bê tông và đặt những chậu hoa cản trở không cho bà D vào đất. Bà T1 lấn chiếm đường đi chung, ngăn cản bà D đi trên con đường để vào đất. Phần đất của bà D được CƠ QUAN U thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, trên giấy chứng nhận thể hiện đất có đường bê tông 05m, lề đường 1,5m.

Những vấn đề cụ thể bà D yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

Buộc Bà Tô Yến T1 phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật là lấn chiếm lối đi chung gây cản trở giao thông, đất tọa lạc tại khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Ngày 22/3/2021, bà D nộp đơn khởi kiện bổ sung với nội dung yêu cầu: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 722833, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H01111 do CƠ QUAN U huyện (nay là thị xã) B cấp ngày 11/7/2005 cho Bà Tô Yến T1.

Ngày 06/01/2022, bà D nộp đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với nội dung: Rút lại yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB

722833, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H01111 do CƠ QUAN U huyện (nay là thị xã) B cấp ngày 11/7/2005 cho Bà Tô Yến T1, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu.

2. Bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Phần đất của bà T1 có diện tích 5.360m² thuộc thửa 999, tờ bản đồ số 07 do Cơ quan U huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 722833, sổ vào sổ H01111 vào ngày 11/7/2005 cho bà T1.

Bà D là người sử dụng đất liền kề với bà T1, quá trình xây dựng nhà ở thì bà D tự ý đổ gạch, chặt phá cây trồng trên đất bà T1. Bà T1 yêu cầu bà D chấm dứt hành vi trên nhưng bà D không thực hiện. Bà D cho rằng bà D đổ gạch trên đường đi chung và cây trồng nằm trên diện tích đất hành lang bảo vệ đường bộ nên bà D đã chặt phá 20 cây chuông vàng 3 năm tuổi của bà T1.

Diện tích đất mà bà D khởi kiện cho rằng lối đi chung là đất của bà T1, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T1. Nay bà T1 không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D và có yêu cầu phản tố như sau:

Buộc Bà Nguyễn Thị D phải bồi thường cho bà T1 giá trị 20 cây chuông vàng 03 năm tuổi, giá trị tạm tính tổng cộng là 10.000.000 đồng/20 cây.

Ngày 27/10/2021, bà T1 nộp đơn yêu cầu độc lập với yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 516/QĐ-CƠ QUAN U ngày 28/3/2019 của CƠ QUAN U thị xã B về việc phê duyệt Danh mục các tuyến đường xã, phường trên địa bàn thị xã B đủ điều kiện xem xét, giải quyết tách thửa (đợt 2) đối với phần phê duyệt đoạn đường nằm hoàn toàn trong đất nhà bà T1, diện tích con đường này khoảng 115m² (trong đó chiều rộng đường là 05m, chiều dài con đường một bên khoảng 23m, một bên 23,2m).

- Điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà D theo hướng bỏ đi phần con đường là quyền sử dụng đất hợp pháp của bà T1.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phước H1 trình bày:

Ông H1 là chồng của Bà Tô Yến T1. Trong vụ án này thì ông H1 thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của bà T1, ông H1 đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của bà T1. Ông H1 có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

4. Đại diện hợp pháp của Cơ quan U thị xã B trình bày:

Đối với yêu cầu của bà D về việc “buộc bà T1 phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật là lấn chiếm lối đi chung gây cản trở giao thông” thì đề nghị Tòa án căn cứ tài liệu chứng cứ đã thu thập để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của bà D về việc “Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB722833, sổ vào sổ H01111 ngày 11/7/2005 do CƠ QUAN U huyện B cấp cho Bà Tô Yến T1” là không có cơ sở bởi vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà T1 đúng trình tự, thủ tục và phù hợp với quy định tại Điều 123 Luật Đất

đai năm 2003 và Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu chứng cứ thu thập trong quá trình thụ lý vụ án nếu Tòa án nhận thấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà T1 chưa phù hợp với hiện trạng sử dụng thì nhận định và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của bà T1 về việc “Hủy một phần Quyết định số 516/QĐ-CƠ QUAN U ngày 28/3/2019 của CƠ QUAN U thị xã B” thì yêu cầu Tòa án phối hợp với CƠ QUAN U phường M để xác minh quá trình quản lý, sử dụng để nhận định, xét xử theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của bà T1 về việc “Điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà D theo hướng bỏ đi phần con đường là quyền sử dụng đất hợp pháp của bà T1” thuộc thẩm quyền của Chi nhánh Văn phòng Đ thị xã B. Đề nghị Tòa án liên hệ với Chi nhánh Văn phòng Đ thị xã B để được cung cấp thông tin.

Đại diện theo ủy quyền của Cơ quan U thị xã B yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 11/01/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bết Cát đã quyết định:

Căn cứ Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 160, 164 và Điều 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 35, 39, 92; khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị D đối với bị đơn Bà Tô Yến T1 về việc: “Yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật”. Không chấp nhận yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của Bà Tô Yến T1 đối với Bà Nguyễn Thị D về việc bồi thường thiệt hại cây chuông vàng và hủy một phần Quyết định số 516/QĐ-CƠ QUAN U ngày 28/3/2019 của Cơ quan U thị xã B về việc phê duyệt Danh mục các tuyến đường xã, phường trên địa bàn thị xã B đủ điều kiện xem xét, giải quyết tách thửa (Đợt 2).

Buộc Bà Tô Yến T1 phải chấm dứt hành vi lấn chiếm lối đi chung, cản trở Bà Nguyễn Thị D sử dụng lối đi chung để đi vào phần đất của bà D có diện tích 304,2m² thuộc thửa 1382, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Bà Tô Yến T1 có quyền và nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan U thị xã B để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa 1106 – tách ra từ thửa 999, tờ bản đồ số 07) cho phù hợp với hiện trạng sử dụng đất.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị D đối với bị đơn Bà Tô Yến T1 về việc: “Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 722833, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H01111 do CƠ QUAN U huyện (nay là thị xã) B cấp ngày 11/7/2005 cho Bà Tô Yến T1”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 20/01/2022, Bà Tô Yến T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét toàn diện chứng cứ, có sự thiên vị trong xét xử làm ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của bà T1; bà T1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Bà Tô Yến T1 không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu; giữ nguyên yêu cầu độc lập.

Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị D đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Cho rằng bà T1 không đồng ý hiến đất để làm đường đi chung; theo Quyết định số 510 ngày 11/4/2016 của CƠ QUAN U thị xã B về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đường bê tông xi măng từ đường 2/9 đến nhà bà Tô Thị P, không có nội dung nào thể hiện tới nhà bà T1; hiện tại bà T1 là chủ sử dụng phần đất diện tích 5.360m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 722833, số vào sổ H01111 vào ngày 11/7/2005 cấp cho bà T1), hiện nay lối đi chung vẫn nằm hoàn toàn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T1; Quyết định 516/QĐ-CƠ QUAN U ngày 28/3/2019 của CƠ QUAN U thị xã B có nội dung thể hiện phần đường đi chung trên phần đất của bà T1 là không hợp lý, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T1 nên đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Tô Yến T1.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát về tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bà Tô Yến T1 và đề nghị hủy bản án sơ thẩm do chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, giao cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Luật sư, Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Bà Tô Yến T1 làm trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về kháng cáo của Bà Tô Yến T1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 20/5/2008, ông Lê Khắc T2 được CƠ QUAN U huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 1382, tờ bản đồ số 7, diện tích 284m² tại phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Ngày 11/4/2016, CƠ QUAN U thị xã B ban hành Quyết định số 510/QĐ-CƠ QUAN U về việc Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Đường bê tông xi măng từ đường 2/9 đến nhà bà Tô Thị P khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Ngày 28/6/2016, CƠ QUAN U phường M ban hành Quyết định số 594/QĐ-CƠ QUAN U về việc thành lập Ban vận động và Giám sát công trình: Đường bê tông xi măng từ đường 2/9 đến nhà bà Tô Thị P khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Ngày 17/10/2017, ông Lê Khắc T2 có đơn yêu cầu điều chỉnh thửa đất của ông T2 cạnh hướng Đông giáp với đường giao thông nông thôn do địa phương quản lý.

Ngày 16/10/2017, cán bộ địa chính thuộc Chi nhánh Văn phòng Đ thị xã B tiến hành lập bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất tại thực địa của ông Lê Khắc T2 đang sử dụng tại phường M, có chữ ký xác nhận của chủ sử dụng liền kề gồm: Tô Văn A, Tô Yến T3 và Nguyễn Thị Hồng C.

Ngày 25/10/2017, CƠ QUAN U phường M ban hành Tờ trình số 174/TTr-CƠ QUAN U về việc điều chỉnh thửa đất của ông Lê Khắc T2 cạnh hướng Đông tiếp giáp với đường giao thông nông thôn do địa phương quản lý có nội dung *“Đến năm 2016 Nhà nước đầu tư làm đường giao thông thì thửa đất của ông Lê Khắc T2 cạnh hướng Đông tiếp giáp với đường giao thông nông thôn, đường do địa phương quản lý, hướng tuyến điểm đầu giáp đường 2/9 (Lô 7B cũ) điểm cuối giáp đất nhà ông Út Tiếp. Nay CƠ QUAN U phường M trình Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Dương – Chi nhánh Văn phòng Đ thị xã B xem xét điều chỉnh lại thửa đất của ông Lê Khắc T2 cạnh hướng Đông tiếp giáp với đường bê tông xi măng do địa phương quản lý”*.

Ngày 06/11/2017, Chi nhánh Văn phòng Đ thị xã B lập, mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý thể hiện hướng Đông thửa đất của ông T2 tiếp giáp đường bê tông 05m.

Ngày 23/01/2018 ông Lê Khắc T2 tự thỏa thuận lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Bà Nguyễn Thị D được quyền sử dụng thửa đất số 1382, tờ bản đồ số 7, tại phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương với diện tích 284m² có chỉnh lý tăng 20,2m², diện tích đất chuyển nhượng là 304,2m² với giá chuyển nhượng là 50.000.000 đồng, được công chứng chứng thực.

Ngày 04/12/2018, Bà Nguyễn Thị D được Sở T5 tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS16192, diện tích 304,2m² thuộc thửa 1382, tờ bản đồ số 7, tại phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà D thể hiện cạnh hướng Đông của thửa đất 1382 tiếp giáp với đường bê tông cắt 05m.

Ngày 12/10/2020, CƠ QUAN U thị xã B ban hành Quyết định số 2074/QĐ-CƠ QUAN U về việc phê duyệt danh mục các tuyến đường do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã B, điểm đầu giáp đường 2/9 (nhà nghỉ A1 và điểm cuối giáp đất nhà Bà Tô Yến T1).

Ngày 05/01/2021, Tòa án tiến hành lập biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện phần diện tích đất vị trí tứ cận hướng Đông ranh mốc giới đất của bà D tiếp giáp với đường bê tông 05m sử dụng làm lối đi chung và được CƠ QUAN U phường tiến hành xây dựng đường giao thông nông thôn từ năm 2017, con đường có chiều rộng ngang 05m giáp với ranh mốc giới đất của Bà Tô Yến T1 hiện nay đang sử dụng, bà T1 không có khiếu nại tranh chấp con đường giao thông nông thôn do CƠ QUAN U phường M xây dựng từ năm 2017.

Đối chiếu các tài liệu chứng cứ trên, có căn cứ xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở T5 tỉnh Bình Dương cấp cho Bà Nguyễn Thị D đúng trình tự, thủ tục, phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai, phù hợp với bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất do cán bộ đo đạc lập ngày 16/10/2017 để xác định ranh giới, mốc giới thửa đất tại thực địa của ông Lê Khắc T2 đang sử dụng tại phường M, có chữ ký xác nhận của chủ sử dụng liền kề gồm: Tô Văn A, Tô Yến T3 và Nguyễn Thị Hồng C, trong đó Bà Tô Yến T1 là người có hành vi cản trở bà D sử dụng ranh mốc giới vị trí hướng Đông giáp lối đi chung con đường được đổ bê tông xi măng có chiều rộng ngang 05m như hiện hữu.

Cho nên Bà Tô Yến T1 kháng cáo yêu cầu hủy một phần của Quyết định số 516/QĐ-CƠ QUAN U ngày 28/3/2019 của CƠ QUAN U thị xã B về việc phê duyệt Danh mục các tuyến đường xã, phường trên địa bàn thị xã B, trong đó có tuyến đường tráng xi măng bê tông, điểm đầu giáp đường 2/9 (nhà nghỉ A1 và điểm cuối giáp đất nhà Bà Tô Yến T1 và yêu cầu điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bà Nguyễn Thị D và yêu cầu bà D phải bồi thường các cây trồng là không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp cho bị đơn bà Tô Yến Tiến kháng cáo nhưng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ khác để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T1.

Ngày 06/01/2002, Bà Nguyễn Thị D làm đơn yêu cầu Tòa án rút lại yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 22/3/2021 về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do CƠ QUAN U huyện B cấp cho Bà Tô Yến T1 là tự nguyện và được Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu bổ sung này, tại Tòa án cấp phúc thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện Kiểm sát không kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Từ những lập luận trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Tô Yến T1 và ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị chấp nhận kháng cáo của Bà Tô Yến T1, hủy bản án sơ thẩm, giao cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung là không phù hợp.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 160, 164 và Điều 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Tô Yến T1.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 11/01/2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị D đối với bị đơn Bà Tô Yến T1 về việc: “Yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật”.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của Bà Tô Yến T1 đối với Bà Nguyễn Thị D về việc bồi thường thiệt hại cây chuông vàng và hủy một phần Quyết định số 516/QĐ-CƠ QUAN U ngày 28/3/2019 của Cơ quan U thị xã B về việc phê duyệt Danh mục các tuyến đường xã, phường trên địa bàn thị xã B đủ điều kiện xem xét, giải quyết tách thửa (Đợt 2).

Buộc Bà Tô Yến T1 phải chấm dứt hành vi lấn chiếm lối đi chung, cản trở Bà Nguyễn Thị D sử dụng lối đi chung để đi vào phần đất của bà D có diện tích 304,2m² thuộc thửa 1382, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Bà Tô Yến T1 có quyền và nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan U thị xã B để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa 1106 – tách ra từ thửa 999, tờ bản đồ số 07) cho phù hợp với hiện trạng sử dụng đất.

2.2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị D đối với bị đơn Bà Tô Yến T1 về việc: “Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 722833, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H01111 do CƠ QUAN U huyện (nay là thị xã) B cấp ngày 11/7/2005 cho Bà Tô Yến T1”.

2.3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị D tự nguyện chịu toàn bộ, khấu trừ số tiền 4.458.000 đồng (bốn triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng) bà D đã nộp tại Tòa.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Trả lại Bà Nguyễn Thị D tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục T4 thị xã B, cụ thể bao gồm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0048189 ngày 07/10/2020 của Chi cục T4 thị xã B và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0054399 ngày 22/3/2021 của Chi cục T4 thị xã B.

Bà Tô Yến T1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Tô Yến T1 được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục T4 thị xã B;
- TAND thị xã B;
- Các đương sự (để thi hành);
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa D.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Bùi Văn Tâm

